

I. Phần trắc nghiệm. (4 điểm)

Khoanh tròn vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng.

Câu 1. 7 tạ 50kg =kg. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 750 B. 7500 C. 7050 D. 5070

Câu 2. $\frac{1}{4}$ giờ =phút. Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:

- A. 15 B. 20 C. 25 D. 30

Câu 3. Năm 1489 thuộc thế kỉ thứ:

- A. XII B. XIII C. XIV D. XV

Câu 4. Trung bình cộng của các số 51; 166; 143 là:

- A. 360 B. 180 C. 120 D. 12

Câu 5. Biết $x : 7 = 45692$. Giá trị của x là:

- A. 319 834 B. 319 744 C. 319 844 D. 319 484

Câu 6. Một cửa hàng bán gạo. Buổi sáng bán được $\frac{1}{2}$ số gạo, buổi chiều bán được $\frac{1}{3}$ số gạo.

Cửa hàng còn lại số phần gạo là:

- A. $\frac{2}{3}$ B. $\frac{3}{4}$ C. $\frac{2}{5}$ D. $\frac{1}{6}$

Câu 7. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000 000. Độ dài 5cm ứng với độ dài thật là:

- A. 50 000cm B. 50km C. 5m D. 5km

Câu 8. Một hình thoi có độ dài hai đường chéo là 18cm và 3dm. Diện tích hình thoi đó là:

- A. 270cm² B. 540cm² C. 27dm² D. 54dm²

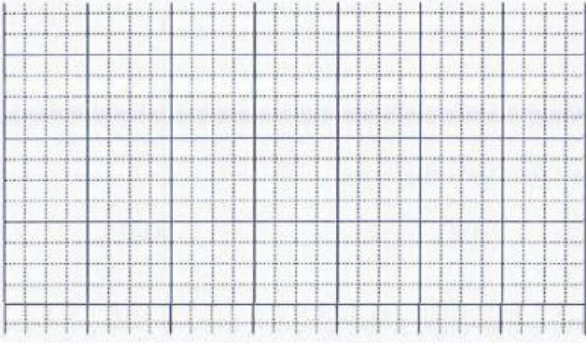
II. Phần tự luận. (6 điểm)

Bài 1. Tính. (1 điểm)

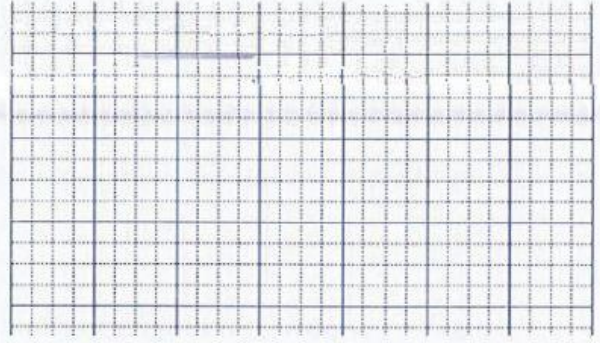
a) $\frac{9}{5} + \frac{9}{7} + \frac{6}{5} + \frac{12}{7} =$

b) $\left(\frac{2}{3} + \frac{4}{5} \right) \times \frac{3}{7} =$

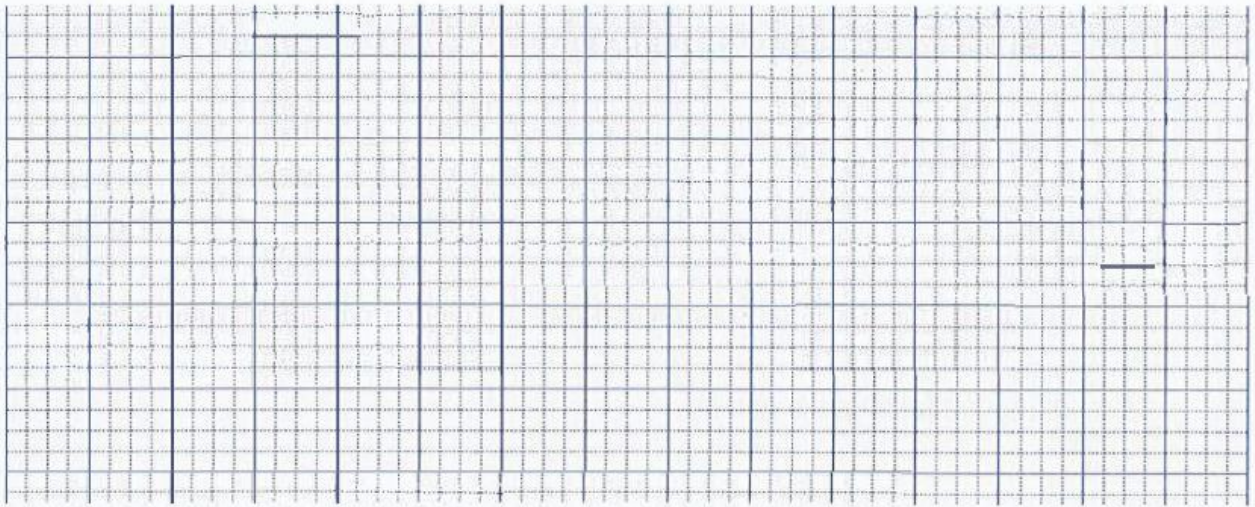
a) $x + \frac{3}{4} = \frac{4}{5}$



b) $\frac{7}{8} \times x = \frac{2}{5}$



Bài 3. Tính diện tích của hình bình hành có độ dài đáy 48cm, chiều cao bằng $\frac{3}{4}$ độ dài đáy. (2 điểm)



Bài 4. Mẹ hơn con 30 tuổi. Hiện nay tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi mẹ. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi? (2 điểm)

